

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

TS. LÊ THỊ THÚY HẰNG*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 16/05/2016.

Abstract: To help children with disabilities integrate into learning activities with other children, teachers are required to have not only professional ethics but also trained skills. The article proposes solutions to enhance quality of teacher training and improve competency of teachers in inclusive education for children with disabilities to meet the need of society and ensure learning opportunities for these children..

Keywords: Inclusive Education, Competency of teacher, Children with disability, Teacher training.

Theo tổng hợp số liệu báo cáo hàng năm từ các địa phương của Bộ GD-ĐT, hiện cả nước có khoảng gần 6.000 học sinh (HS) khuyết tật trên tổng số 1,3 triệu trẻ khuyết tật đi học, chủ yếu là học hòa nhập ở các trường mầm non và tiểu học. Bên cạnh mục tiêu tiếp tục huy động số lượng trẻ khuyết tật đi học, vấn đề đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập (GDHN) cho trẻ em trong các lớp học cũng được đặt ra là một yêu cầu cấp bách. Trong đó, yếu tố năng lực GDHN của giáo viên (GV) được coi là một yếu tố cốt lõi để đảm bảo cơ hội, công bằng và chất lượng GDHN trong trường học cho mọi trẻ em.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về hiệu quả GDHN từ UNESCO, OECD...; các nghiên cứu về năng lực GDHN của GV và các cách tiếp cận hình thành, phát triển năng lực GDHN cho GV trong đào tạo của Nafsika Alexiadi và Jane Essex, Deluca,..., bài viết đề cập đến hình thành năng lực GDHN trong đào tạo GV, trong đó bàn đến các nội dung: GDHN; Năng lực GDHN của GV; Tiếp cận hình thành năng lực GDHN cho GV; Giải pháp phát triển năng lực GDHN cho sinh viên (SV) sư phạm tại các cơ sở đào tạo.

1. Giáo dục hòa nhập

Có nhiều định nghĩa về GDHN. Theo UNESCO 2009, GDHN là một quá trình liên tục nhằm cung cấp một nền giáo dục chất lượng cho tất cả mọi người, tôn trọng sự đa dạng, những khác biệt về nhu cầu, khả năng, đặc điểm và kì vọng trong học tập của HS, cộng đồng cũng như loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử [1].

GDHN có mối liên hệ với bình đẳng về cơ hội được thụ hưởng giáo dục của mọi người. Theo nhà giáo dục John Amos Comenius: Giáo dục không chỉ dành cho một ai đó, vài người nào đó hoặc chỉ dành phần nhiều cho đàn ông. Giáo dục cần được thực hiện cho tất cả

mọi người, dù trẻ hay già, giàu có hay nghèo khổ, đàn ông hay phụ nữ,...

Khái niệm “GDHN” gắn liền với bình đẳng, công bằng xã hội và cơ hội được tham gia của mọi trẻ em. GDHN được coi đó là sự đón nhận, làm nên giá trị, trao quyền và giúp đỡ tất cả mọi trẻ về học tập kiến thức và kĩ năng xã hội trong môi trường chung và là nơi thực hiện mục đích nhằm đạt được mục tiêu của giáo dục. GDHN có chất lượng là cơ sở để đạt được sự phát triển về con người, xã hội và kinh tế [2].

Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế OECD nhấn mạnh sự công bằng trong sự hòa nhập của nhóm, trong đó mỗi cá nhân sẽ đạt được những kĩ năng cơ bản nhất từ sự hòa nhập với các thành viên trong nhóm. OECD cũng ước tính rằng, chi phí dành cho một trường đặc biệt sẽ tốn kém gấp từ 2-5 lần so với chi phí đầu tư cho một trường hòa nhập [3]. Đồng thời, các nghiên cứu về hiệu quả của GDHN, kết quả cho thấy “HS có nhu cầu đặc biệt học trong lớp học hòa nhập sẽ học tập kiến thức và kĩ năng xã hội tốt hơn những HS được học trong những cơ sở giáo dục chuyên biệt [4]. Với hiệu quả được khẳng định từ các phương diện tiếp cận cá nhân hay xã hội như trên, GDHN đang là lựa chọn và là xu thế phát triển tất yếu ở các quốc gia.

2. Năng lực GDHN của GV

Trong tiến trình phát triển của giáo dục đặc biệt, trải qua các giai đoạn từ giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và GDHN, đến nay, nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt ngày càng được mở rộng ra về đối tượng. Đề cập đến trẻ có nhu cầu đặc biệt, các trường học không còn chỉ giới hạn ở nhóm trẻ khuyết tật mà còn mở rộng ra ở các nhóm đối tượng khác có liên quan

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

bởi những ảnh hưởng từ tác động kinh tế, xã hội, văn hóa, tín ngưỡng... [5]. Các lớp học hiện đại, những đặc điểm của người học ngày càng trở nên đa dạng hơn so với trước đây và lớp học cũng xuất hiện đa dạng hơn các nhu cầu đặc biệt của người học. Điều này đòi hỏi GV cần có những phẩm chất và năng lực đáp ứng được nhu cầu đa dạng của HS khi giải quyết các vấn đề thực tiễn của lớp học hòa nhập. Đồng thời, những yêu cầu từ thực tiễn của GDHN trong trường học đòi hỏi đối với người GV đã tác động đến các cơ sở đào tạo, làm thay đổi cách tiếp cận và mục tiêu trong đào tạo người GV đáp ứng yêu cầu vị trí công việc trong trường học.

GDHN đã tạo ra những cơ hội cho sự thay đổi văn hóa tương tác, chú trọng đến các đặc tính của cá nhân để phát triển. Đồng thời, tạo ra mối liên hệ rõ ràng giữa trẻ với trẻ, trẻ với GV, cũng như với trường học bằng cách đề cao giá trị cá nhân, sự chia sẻ và hợp tác. GDHN không chỉ đơn thuần là quá trình dạy học, mà đó là tập hợp của các yếu tố tác động đến trẻ để chuẩn bị cho trẻ có năng lực tiếp cận và vượt qua các rào cản từ các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị và các phương diện khác của cuộc sống để trở thành thành viên độc lập trong xã hội. Liên quan đến vấn đề này, ở khía cạnh đào tạo GV, đòi hỏi cần có sự thay đổi cơ bản về năng lực và sự hiểu biết của người GV trong tiến trình giáo dục đáp ứng tính đa dạng. Theo đó, chìa khóa của chất lượng đào tạo đó là cần đảm bảo để người GV có năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn đa dạng từ GDHN mà họ phải đối mặt [6].

Quá trình đào tạo GV cần được thay đổi để hướng đến năng lực dạy học đáp ứng tính đa dạng của người học. GV không chỉ đơn thuần có đủ kiến thức và kỹ năng dạy học chung cho một nhóm HS cụ thể, mà cần có được hành trang để luôn luôn ý thức được, sẵn sàng và có kỹ năng giải quyết các tình huống và các đặc điểm học tập đa dạng cũng như đáp ứng được nhu cầu đặc biệt của trẻ và tạo ra một môi trường tiếp cận thuận lợi cho mọi trẻ em trong lớp học hòa nhập.

Nghiên cứu của Nafsika Alexiadi và Jane Essex cho rằng, trước một thực tiễn mà hầu hết GV khi ra trường thường còn tỏ ra thiếu chủ động và tâm thế chưa sẵn sàng đối mặt với các vấn đề trong lớp học đa dạng. Đồng thời, những hiểu biết về các nguyên tắc hòa nhập và cách thức áp dụng nguyên tắc hòa nhập trong môi trường giáo dục đa dạng của GV còn mơ hồ thì các yêu cầu trong các chương trình đào tạo GV phải đảm bảo để người GV tương lai có được nhận thức, tâm thế và kỹ

năng giải quyết các yêu cầu của lớp học hòa nhập là hết sức cần thiết [7]. Deluca cho rằng, phẩm chất, năng lực của GV là yếu tố hết sức quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong trường học hòa nhập. Theo đó, mục tiêu đào tạo GV có năng lực thực hành và thái độ tôn trọng, tuân thủ nghiêm túc chính sách công bằng, chất lượng trong giáo dục cho mọi HS cần được coi là trung tâm của quá trình đào tạo [8].

3. Tiếp cận hình thành năng lực GDHN cho GV tương lai trong đào tạo. Để GV có được năng lực thực hành trong GDHN cũng như có được khả năng giải quyết các mối quan hệ giữa dạy học có hiệu quả với đáp ứng nhu cầu đa dạng của HS ở các hình thái nhu cầu đặc biệt khác nhau, cách tiếp cận trong đào tạo GV hiện nay thường được áp dụng, đó là:

3.1. Tiếp cận hình thành năng lực GDHN cho GV thông qua học phần GDHN: Đây là cách tiếp cận phổ biến đang được các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài thực hiện. Bằng cách xây dựng riêng một học phần GDHN trong chương trình đào tạo GV để đảm bảo rằng, GV trong tương lai được tiếp cận và có kiến thức, kỹ năng cơ bản, sẵn sàng tâm thế đối mặt với các thách thức gặp phải để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn giáo dục khi làm việc với trẻ em và trẻ có nhu cầu đặc biệt trong môi trường hòa nhập. Ở Việt Nam, từ năm 2007, chương trình khung ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng đã chính thức đưa học phần GDHN (3 đơn vị học trình) vào trong chương trình đào tạo. Các nội dung chính được đề cập đến trong học phần bao gồm: - Những vấn đề chung về GDHN; - GDHN trên thế giới và ở Việt Nam; - Các hình thức tổ chức và nguyên tắc GDHN; - Chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; - Giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt [9].

Khảo sát của Vụ Giáo dục Đại học (Bộ GD-ĐT) về việc triển khai thí điểm học phần GDHN cho SV sư phạm trình độ cao đẳng và đại học, các ý kiến trao đổi cho thấy: Học phần GDHN nên được đưa vào trong chương trình đào tạo GV như một học phần chính thức hoặc dành cho SV tự chọn. Tuy nhiên, vẫn còn những băn khoăn về thời lượng dành cho môn học (từ 2-3 tín chỉ) sẽ khó để hình thành kỹ năng thực hành cho SV khi tiếp cận các vấn đề thực tiễn, nhiều thách thức của GDHN [10].

Chương trình đào tạo GV ngành Sư phạm tại trường University College Zealand của Đan Mạch đã dành riêng một thời lượng đào tạo 30 tín chỉ cho học phần GDHN để SV được hình thành kỹ năng thực hành đáp ứng nhu cầu đặc biệt của HS cũng như có năng lực giải quyết vấn đề trong môi trường dạy học đáp ứng

tính đa dạng của người học. Trong đó, các nội dung cốt lõi của học phần đề cập đến: - Trẻ có nhu cầu đặc biệt và giáo dục đặc biệt; - Hòa nhập trong trường học; - Đánh giá và lập kế hoạch trong GDHN; - Phát triển các kĩ năng học tập; - Giáo dục đặc biệt là một lĩnh vực nghiên cứu và phát triển [11]. Quan sát quá trình tổ chức đào tạo GV tại UCZ, chúng tôi nhận thấy ở học phần *GDHN*, GV đã chú trọng sử dụng phương pháp đàm luận, hướng dẫn để SV được chủ động tìm hiểu, khai thác và khẳng định những tri thức mới, SV được trải nghiệm và thể nghiệm các kĩ năng thực hành GDHN ở cả phương diện lí luận cũng như thực hành trong môi trường thực tiễn. Trước mỗi hoạt động được tổ chức, GV hết sức chú ý hướng dẫn SV ở khâu lập kế hoạch cho hoạt động. Các vấn đề về chuẩn bị tâm thế khi tiếp cận với trẻ, cách ứng xử và giải quyết các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn GDHN được GV và SV trao đổi, đề cập ở cả khía cạnh tâm lí và luật pháp. Điều này đã giúp SV có hiểu biết và thái độ đúng mực để sẵn sàng làm việc với trẻ cũng như có được các định hướng trong giải quyết các tình huống có khả năng diễn ra trong thực tiễn, trong đó một nguyên tắc làm việc chung mà GV và SV luôn đề cập đến đó là giải quyết vấn đề trên cơ sở tôn trọng và đề cao quyền được tôn trọng những đặc tính cá nhân, riêng tư của trẻ và gia đình trẻ. Khi thực hiện chương trình đào tạo theo cách tiếp cận trên, vấn đề cần được quan tâm đó là: giải quyết được mâu thuẫn giữa yêu cầu cao về tiêu chuẩn đào tạo GV GDHN đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và vấn đề thời lượng cho phép của chương trình. Những yêu cầu kĩ năng nghề nghiệp của GV trong GDHN và năng lực, sự thành thạo, sẵn sàng với các yêu cầu GDHN đòi hỏi chương trình đào tạo cần dành một thời lượng lớn thời gian cho SV được đàm luận, thực hành có thể sẽ làm cho chương trình đào tạo trở nên nặng hơn so với mức thông thường [12].

3.2. Tiếp cận tích hợp rèn luyện năng lực GDHN cho GV ở các học phần khác nhau trong toàn bộ chương trình đào tạo GV: Đây là một xu hướng tiếp cận được coi là giải pháp để đảm bảo các yêu cầu về tăng cường năng lực GDHN cho GV và giải quyết được sức ép về thời lượng trong một chương trình đào tạo GV của các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, việc tích hợp rèn luyện năng lực GDHN cho GV ở các học phần khác trong toàn bộ chương trình đào tạo GV hiện chưa được thực hiện phổ biến do cần phải giải quyết được các yêu cầu của GDHN trong từng môn học của chương trình, trong đó, việc tích hợp GDHN ở từng môn học

phải đạt được các yêu cầu: 1) Môn học tích hợp được các kĩ năng có liên quan đến đáp ứng nhu cầu và năng lực của trẻ, trong đó có nhu cầu đặc biệt đòi hỏi cần được đáp ứng bằng các kĩ năng đặc thù cho trẻ; 2) Môn học giải quyết được tiếp cận và bản chất của tính đa dạng trong lớp học; 3) Tích hợp trong môn học không chỉ dừng lại giải quyết được vấn đề xã hội mà cần giải quyết được yêu cầu mang tính học thuật trong dạy học cho trẻ có nhu cầu đặc biệt, ở đó đòi hỏi năng lực tiếp cận dạy học khác nhau khi làm việc với nhu cầu khác nhau để đảm bảo trở thành một GV có kĩ năng thực hành dạy tốt với mọi trẻ em; 4) Giải quyết vấn đề chính sách và phát triển trong GDHN. Với những yêu cầu này, trong tích hợp học phần GDHN vào các học phần khác trong chương trình đào tạo hình thành được năng lực GDHN cho GV như đề cập trên, chúng tôi cho rằng, các cơ sở đào tạo sẽ cần nhiều thời gian để đảm bảo đội ngũ GV có đủ năng lực thực hiện mục tiêu kép: *Đảm bảo phát triển năng lực của môn học và phát triển năng lực GDHN cho SV.*

4. Giải pháp hình thành năng lực GDHN cho GV trong đào tạo

4.1. Hiện thực hóa chính sách GDHN vào các chương trình đào tạo GV: Luật Người khuyết tật (Luật số: 51/2010/QH12) ban hành và chính thức có hiệu lực từ tháng 1/2011, trong đó, *Điều 28.2* đề cập rõ “GDHN là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật”. GDHN ở nước ta đã chính thức trở thành chính sách quốc gia, trong đó, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức GDHN và đáp ứng nhu cầu, khả năng trẻ có nhu cầu đặc biệt. Được đáp ứng nhu cầu học tập, học tập bình đẳng và có chất lượng là quyền của trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Thực hiện chức năng GDHN, đòi hỏi các trường học phải có đủ đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về GDHN để đảm bảo quá trình tổ chức GDHN phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của trẻ. Theo đó, để GV có được năng lực này và áp dụng vào thực tiễn, cần đào tạo ngay trong thời gian học tập trên mái trường sư phạm.

Tuy nhiên, sự chủ động của các trường sư phạm đối với việc đưa học phần GDHN vào trong chương trình đào tạo GV chỉ trở nên mạnh mẽ hơn so với hiện nay khi Bộ GD-ĐT có quy định về tiêu chuẩn năng lực GV đáp ứng các yêu cầu giáo dục và hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt học hòa nhập ở các cấp học. Đồng thời, Bộ GD-ĐT cần có văn bản hướng dẫn các cơ sở triển khai chương trình đào tạo các ngành sư phạm đáp

ứng tiêu chí hình thành năng lực GDHN cho SV sư phạm bằng cách: - Đưa học phần GDHN vào chương trình bắt buộc hoặc một học phần tự chọn trong chương trình hoặc kết hợp cả hai hình thức (tự chọn và bắt buộc); - Trong trường hợp các ngành sư phạm chưa thực hiện học phần này trong chương trình đào tạo thì có thể tổ chức dạy chứng chỉ (3 tín chỉ) làm điều kiện tốt nghiệp; - Xây dựng chương trình bồi dưỡng, phát triển hệ thống tài liệu hỗ trợ các cơ sở đào tạo tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực giảng viên dạy học phần GDHN; - Chỉ đạo và có hướng dẫn các trường học xây dựng lộ trình ưu tiên tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chuẩn năng lực GDHN ở các khâu: hồ sơ (có chứng chỉ hoặc được đào tạo các học phần GDHN), đánh giá năng lực thực hành GDHN.

4.2. Phát triển năng lực thực hành GDHN trong các hoạt động đào tạo:

- *Tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên theo hướng chuyên môn hóa cao về lĩnh vực GDHN* bằng cách tuyển dụng giảng viên có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực hoặc cử giảng viên có chuyên ngành đào tạo gần với chuyên môn GDHN đi tham dự các khóa đào tạo hay bồi dưỡng về lĩnh vực này ở các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài. Việc tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên cần được các cơ sở đào tạo xác định rõ nhu cầu và định hướng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và chuyên môn hóa cao về lĩnh vực này. Các giảng viên cần được đào tạo một cách bài bản tại các trường đại học, được trang bị lý thuyết cơ bản, các kĩ năng cần thiết, có thái độ nghiêm túc đối với nghề nghiệp và năng lực hướng dẫn SV thực hành kĩ năng GDHN trong thực tiễn giáo dục ở các cấp học.

- *Xây dựng và thực hiện mục tiêu học phần GDHN*, trong đó chú trọng hình thành các kĩ năng thực hành cho SV, đồng thời ý thức được vai trò, trách nhiệm làm việc, gắn bó, quan tâm, hỗ trợ và đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ. Mục tiêu, kết quả mong đợi và xác định những năng lực hoặc tiêu chuẩn cần đạt được trong kĩ năng nghề nghiệp của SV phải được xác định rõ ràng. Theo đó, mục tiêu cốt lõi, ưu tiên trong môn học mà SV cần đạt được đó là thấu hiểu và phân tích sâu sắc được khái niệm, bản chất của GDHN và các quan điểm lịch sử, pháp lí đặt trong mối quan hệ và phát triển của trẻ trong tính đa dạng; SV nhận diện và hiểu biết được các nhu cầu đặc biệt của trẻ để lập kế hoạch giáo dục cũng như thực hiện kế hoạch GDHN trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp học hòa nhập. Thực hiện được mục tiêu đào tạo của môn học, đòi hỏi giảng

viên cần xây dựng các phương pháp sư phạm tạo cơ hội cho SV được trải nghiệm, thực hành và hình thành những phẩm chất kiên trì, nhẫn nại, vượt khó và chấp nhận những thách thức khi làm việc với trẻ có nhu cầu đặc biệt. Vì vậy, trong thiết kế hoạt động đào tạo cần chú trọng đến các phương pháp đàm luận, đưa ra vấn đề để người học giải quyết và có cơ hội trải nghiệm, thực hành trong thực tiễn. Cách học tập theo nhóm, khuyến khích tư duy phản biện và xây dựng các tình huống để SV giải quyết hay trải nghiệm có sự tham gia cùng trẻ có nhu cầu đặc biệt... được đánh giá là có hiệu quả tích cực trong quá trình đào tạo.

- Thực hiện học phần GDHN gắn với các nội dung thực hành thực tập. Trong quá trình giảng dạy học phần, giảng viên bộ môn cần lựa chọn và xây dựng các nội dung để SV được thực hành trong thực tiễn thông qua thời gian thực hành của môn học cũng như kết hợp thực hành trong các đợt triển khai thực hành - thực tập sư phạm tập trung của toàn khóa đào tạo. Các nội dung thực hành trong môn học như: Quan sát, ghi chép, đánh giá và tìm hiểu về các dạng nhu cầu đặc biệt của trẻ; xác định đặc điểm học tập (sở thích, kiểu học tập, năng lực) của trẻ; lập kế hoạch giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường hòa nhập; thiết kế hoạt động và tiến hành hoạt động giáo dục trong lớp hòa nhập... có thể được thực hiện trong các đợt kiến tập, thực hành tập trung hay thực tập tốt nghiệp ở các kì học khác nhau. Điều quan trọng là những yêu cầu thực hành, thực tập của nội dung môn học cần được thống nhất và được đưa vào yêu cầu thực hành nghề nghiệp trong toàn khóa đào tạo để SV và các giảng viên hướng dẫn chủ động trong kế hoạch triển khai. Quá trình hướng dẫn SV thực hành, thực tập kĩ năng GDHN cần được đánh giá bằng các tiêu chí khác nhau như: Tiêu chí về động cơ và thái độ nghề nghiệp (được đánh giá qua quá trình làm việc và tiếp cận với trẻ và công việc trong các hoạt động thực hành nghề nghiệp); Tiêu chí về năng lực áp dụng kiến thức, kĩ năng GDHN vào thực tiễn giáo dục (thể hiện ở các khâu chuẩn bị và thực hành làm việc với trẻ).

4.3. Đổi mới về công nghệ, phương tiện, thiết bị phục vụ cho toàn khóa đào tạo và học phần GDHN.

Tính đến thời điểm này, Việt Nam chưa có một cơ quan nghiên cứu chuyên sâu về thiết bị dạy học, phương tiện, đồ dùng dạy học đặc thù cho trẻ có nhu cầu đặc biệt. Chính vì vậy, để phục vụ quá trình đào tạo, giúp SV dễ dàng tiếp cận với các thông tin mới, công nghệ, phương tiện, đồ dùng dạy học đặc thù trong GDHN, cần có sự đổi mới công nghệ, tạo cơ hội cho

giảng viên và SV được tìm hiểu, thực hành và chia sẻ những công nghệ, phương tiện đã được các nước tiên tiến áp dụng. Đồng thời, trên cơ sở đổi mới về công nghệ trong dạy học, sử dụng các phương tiện, thiết bị phục vụ trong đào tạo cũng là cơ hội tốt để các cơ sở tận dụng các chương trình hợp tác đào tạo, nguồn chuyên gia kết nối từ các cơ sở đào tạo trong nước, trong khu vực và các nước phát triển đối với hợp tác xây dựng chương trình đào tạo, chia sẻ nguồn lực trong hợp tác đào tạo.

Thực hiện GDHN và đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt của trẻ em trong trường học là những đòi hỏi chính đáng của cộng đồng và từng cá nhân đối với các trường học. Đội ngũ GV có đủ năng lực GDHN trong trường học chính là giải pháp hiện thực hóa chất lượng GDHN, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Vấn đề hình thành và phát triển năng lực GDHN cho GV có thể được thực hiện ở các giai đoạn đào tạo nghề nghiệp trong trường sư phạm cũng như được hình thành và phát triển trong quá trình GV làm việc trực tiếp trong trường học. Tuy nhiên, để GV sẵn sàng giải quyết các vấn đề thực tiễn GDHN và để đảm bảo rằng chất lượng GDHN trong các trường học ở Việt Nam ngày càng đạt hiệu quả cao hơn thì việc hình thành năng lực GDHN cho GV ngay từ khi học tập nghề nghiệp trong mái trường sư phạm là hết sức cần thiết và có ý nghĩa. Sau quá trình hơn 20 năm GDHN trong trường học, đã đến lúc ngành GD-ĐT, các cơ sở đào tạo, các trường học và cộng đồng cần chú trọng đến giải pháp hình thành năng lực GDHN cho GV sư phạm. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Unesco - International Bureau of Education (2009). *Inclusive Education, The way of the Future*. International Conference on Education, 28th Session, Geneva, November 25-28, 2008, Paris.
- [2] Phiên họp lần thứ 48 của Hội nghị quốc tế về giáo dục (ICE, tháng 11/2008 UNESCO, Geneva), *Kỷ yếu kỷ niệm 60 năm “TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ NHÂN QUYỀN”*. Group.
- [3] OECD (2012). *Equity and Quality in Education, Supporting Disadvantaged Students and Schools*. Paris: OECD.
- [4] Caroline Moore (1998). *Educating Students With Disabilities in General Education Classrooms: A Summary of the Research*, Western Regional Resource Center. Eugene, Oregon.
- [5] Bartolo, P.A (2010). *The Process of Teacher Education for Inclusion: The Maltese Experience*. Journal of Research in Special Educational Needs N^o

- 10 (s1):139-148, Wiley-Blackwell, United Kingdom.
- [6] Arnesen and Lundahl (2006). *Still Social and Democratic? Inclusive Education Policies in the Nordic Welfare States*. Scandinavian Journal of Education Research 50(3): 285-300, Taylor & Francis Group.
- [7] Nafsika Alexiadi and Jane Essex (2016). *Teacher Education for Inclusive Practice – Responding to Policy*. European Journal of teacher Education, Vol.39, No.1:5-19, Routledge, Taylor & Francis Group.
- [8] Deluca, C. (2012). *Promoting Inclusive Through and within Teacher Education Programmes*. Journal of Education for Teaching N^o 38: 51-569, Routledge, Taylor & Francis.
- [9] Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/05/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành Chương trình Khung Giáo dục đại học ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng*.
- [10] Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GD-ĐT (2016). *Báo cáo ghi chép khảo sát triển khai thí điểm học phần giáo dục hòa nhập tại Tiền Giang và Thừa Thiên Huế*.
- [11] UCZs (2016). *Name of the module: Inclusive Education*. University College Zealand.
- [12] Menter, I., M. Hulme, J. Murray, A. Campbell, I. Hextall, M. Jones, P. Mahony, R. Procter and K. Woll. (2010). *Teacher Education Research in the UK: The State of Art, Revue*. Seisse des Sciences de l'Esducton N^o 32 (1):121-142.

Nâng cao chất lượng đào tạo...

(Tiếp theo trang 29)

- [2] Nguyễn Thị Hoa (2011). *Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng giáo dục (2015). *Báo cáo kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp số: 07/TTr&KĐCLGD ngày 22/10/2015*. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.
- [4] Nguyễn Thị Hạnh (2015). *Báo cáo tổng kết thực tập tốt nghiệp cho sinh viên đơn ngành Giáo dục đặc biệt và song ngành Giáo dục mầm non – Giáo dục đặc biệt*. Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.
- [5] Bộ GD-ĐT (2005). *Báo cáo khảo sát giáo dục trẻ khuyết tật*.
- [6] Lê Thị Thúy Hằng (2015). *Phát triển năng lực giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cho đội ngũ giáo viên mầm non*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học 20 năm giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật Việt Nam, Bộ GD-ĐT.